CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt

Ngày 30/06/2025	17,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.7%	-	-

DT thuần
Q2/25
288
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 69.0| 31.5%
YoY: ▲ 222| 333%

LN thuần
Q2/25
193
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 67.0| 53.3%
YoY: ▲ 167| 646%

LN sau thuế
Q2/25
153
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 52.0| 51.3%
YoY: ▲ 132| 635%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
67.1%
YoY: +/-▲ 9.5%

ROE (TTM)
Q2/25
16.1%
YoY: +/-▲ 6.2%

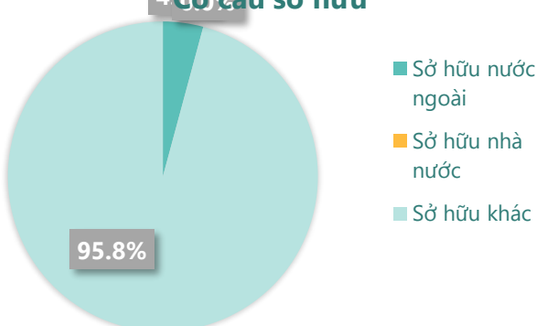
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,825 - 29,434
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,140
Số lượng CPLH (CP)	66,686,055
KLGD BQ 20 phiên (CP)	417,005
Sở hữu nước ngoài	4.2%
Beta	1.47
EPS	3,373
P/E	5.1

DT thuần
6T 2025
507
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 239| 89.1%

LN thuần
6T 2025
319
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 198| 164%

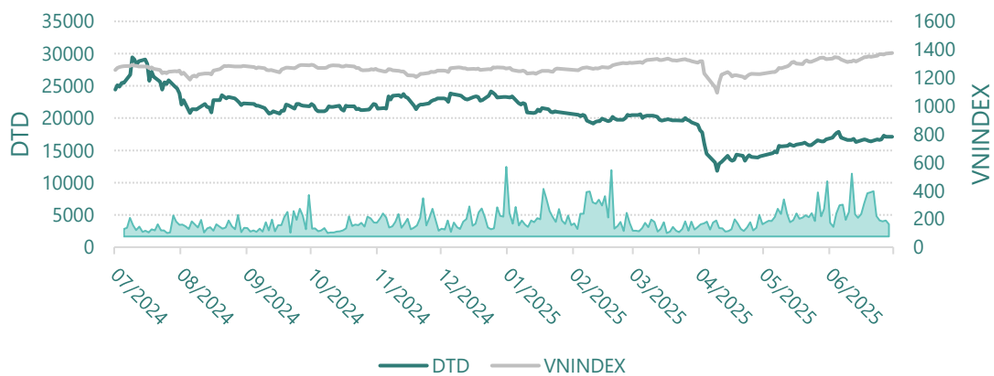
LN sau thuế
6T 2025
254
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 157| 162%

Cơ cấu sở hữu

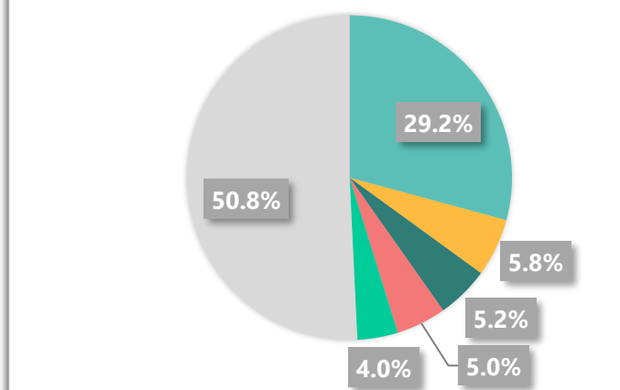


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

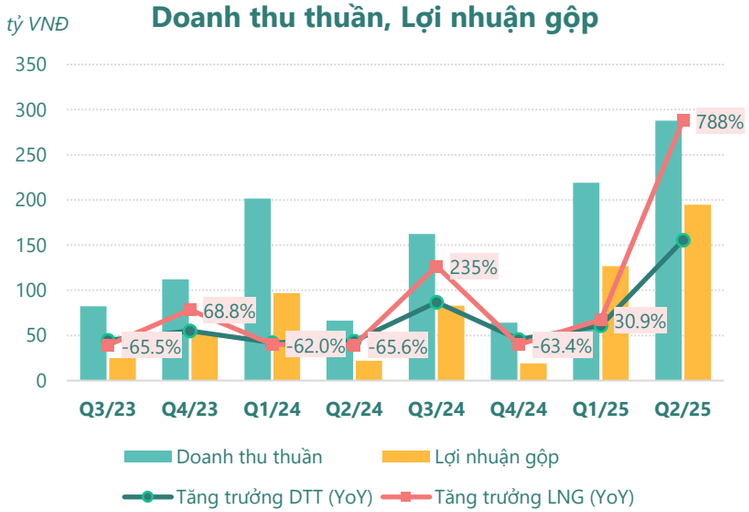


- Nguyễn Huy Cương (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thanh Tâm
- Nguyễn Quang Trí (Phó Tổng giám đốc)
- Phillip Securities (Thailand) Public Company Limited
- Nguyễn Thị Kim Chung
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

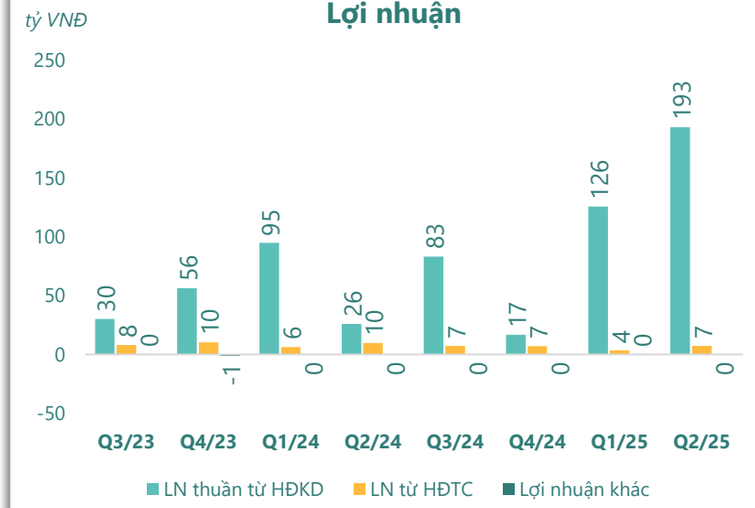
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



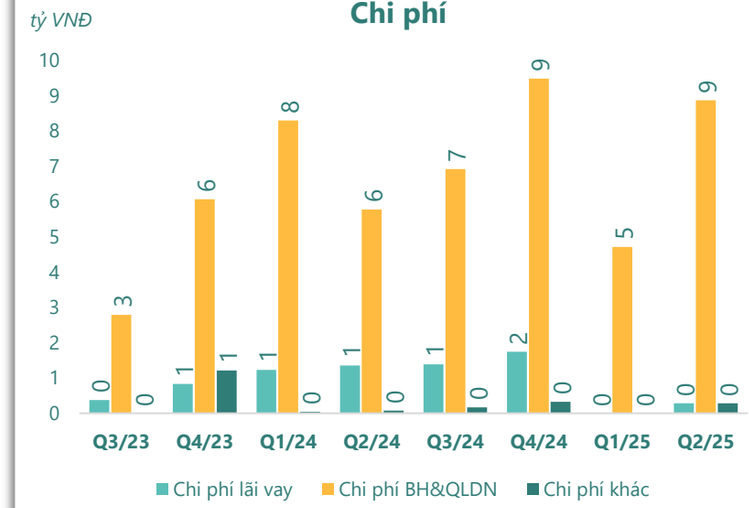
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



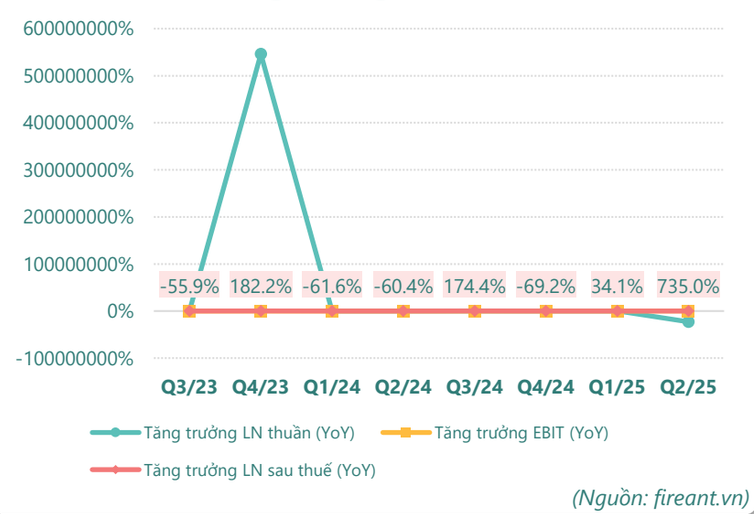
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



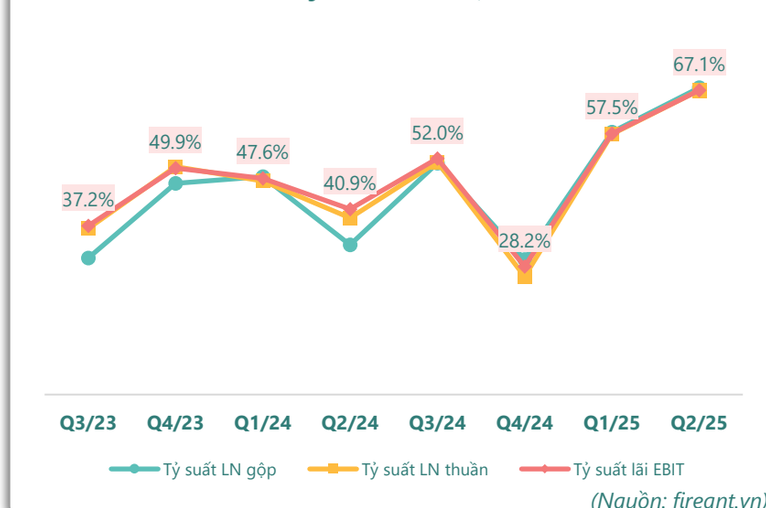
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



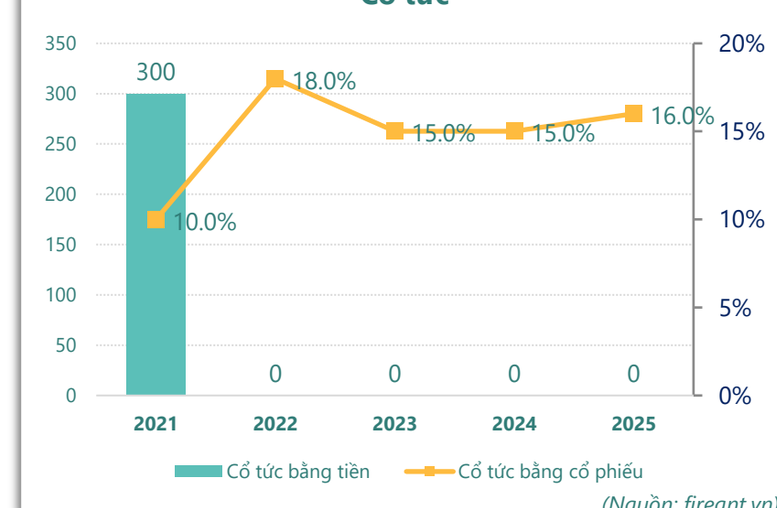
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

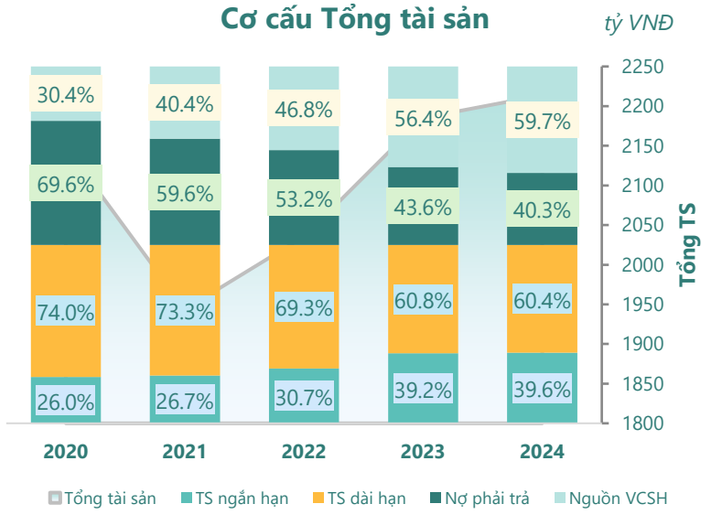
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

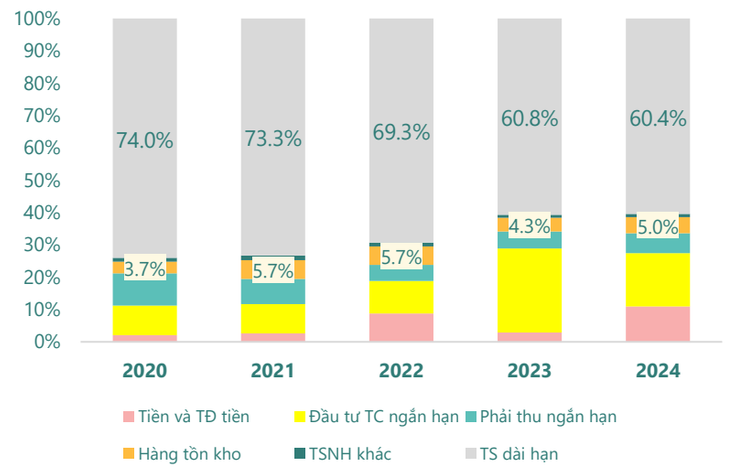
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



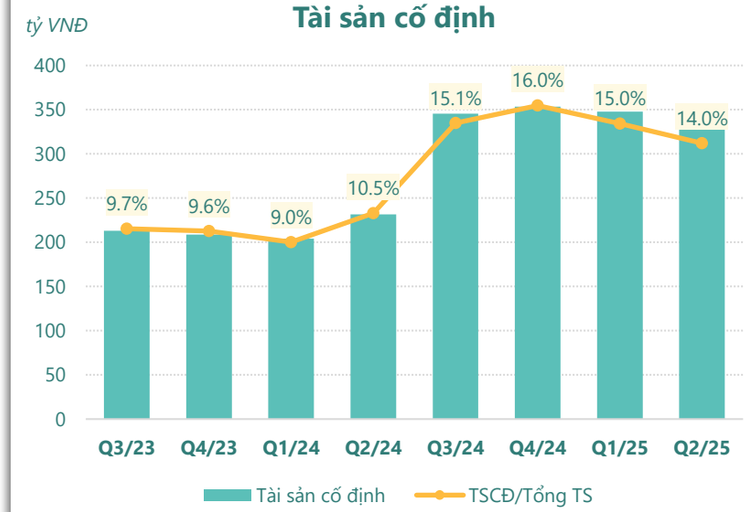
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



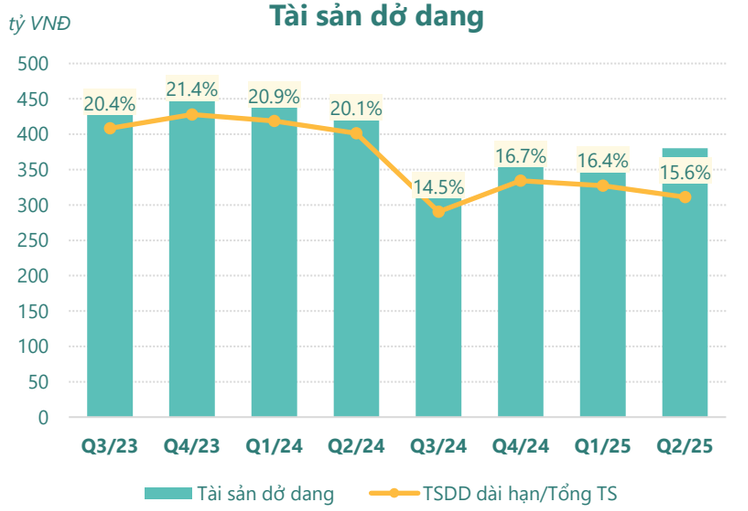
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



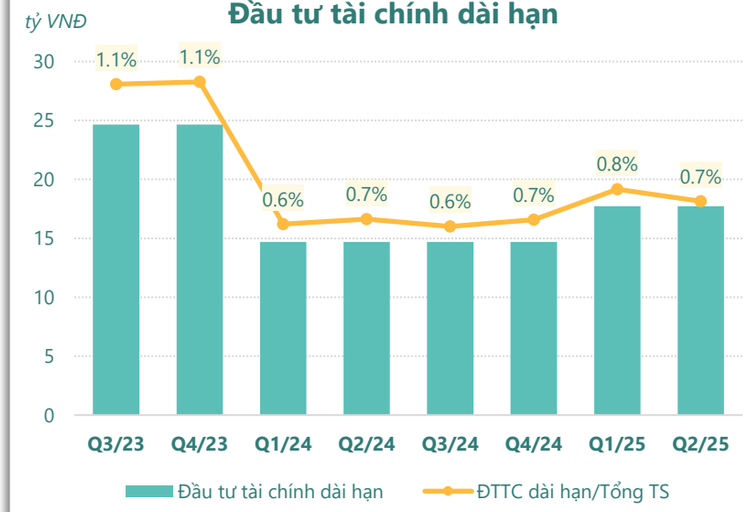
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



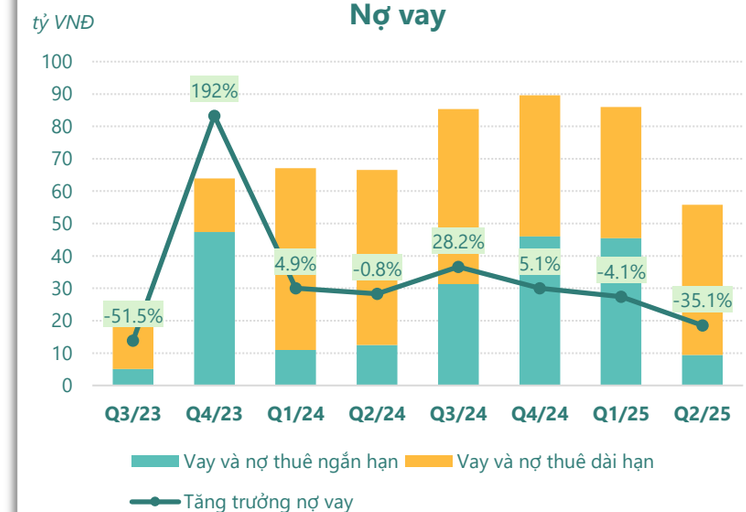
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

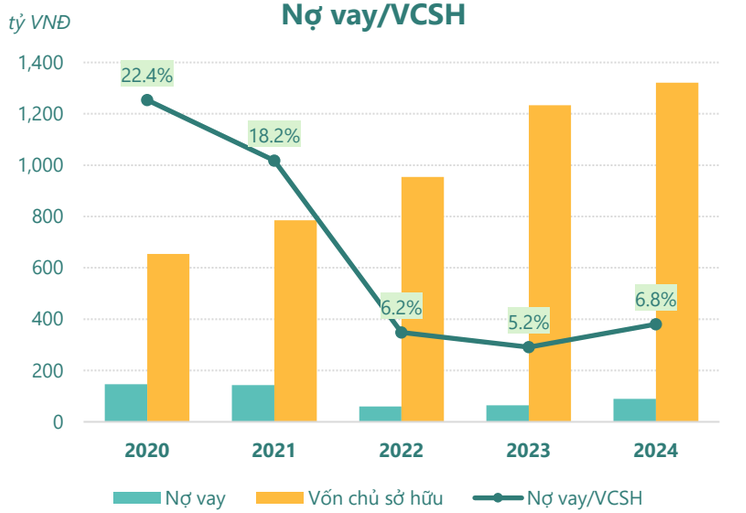
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

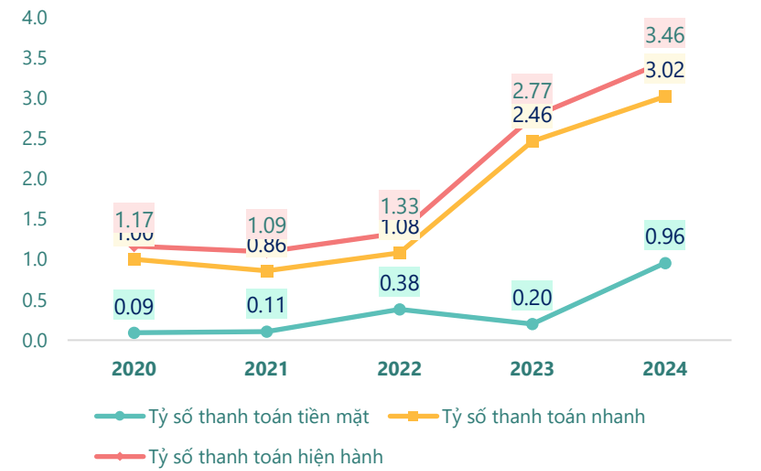
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



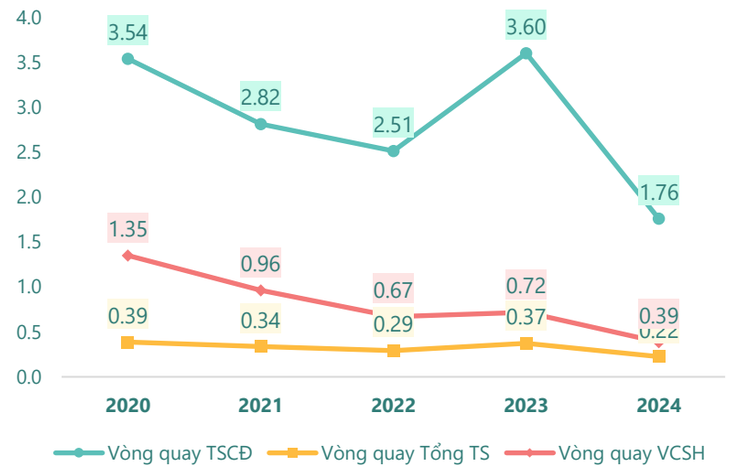
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



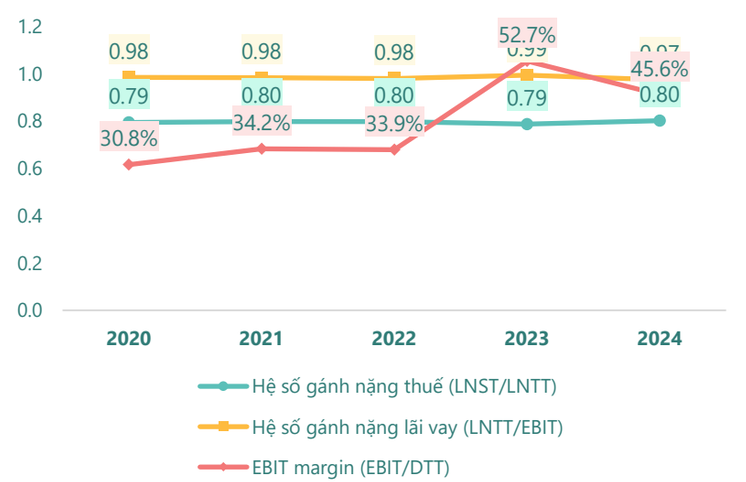
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



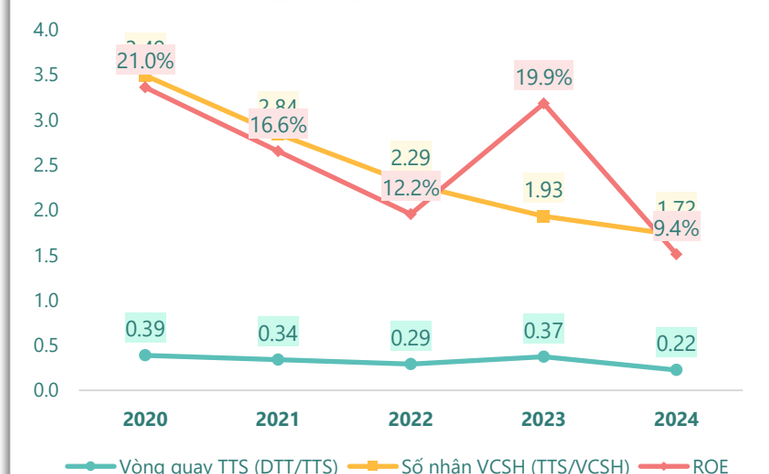
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



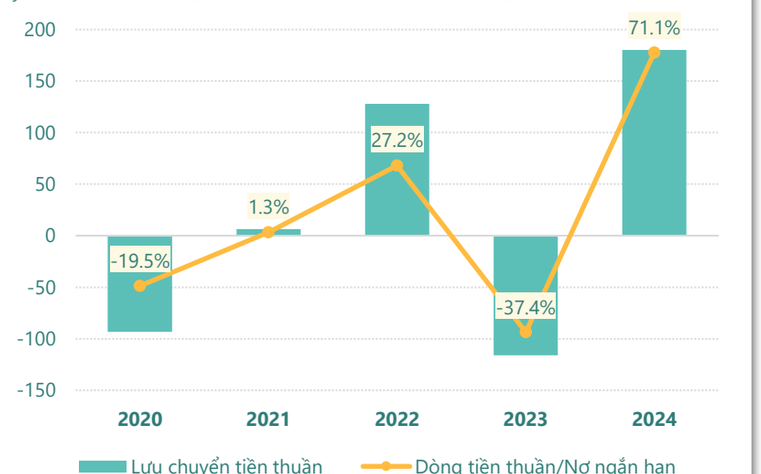
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**288**	**66.5**	**333%**	**507**	**268**	**89.1%**
Giá vốn hàng bán	93.2	44.6	109%	185	149	24.2%
Lợi nhuận gộp	195	21.9	789%	322	119	171%
Doanh thu HĐTC	7.77	11.1	-30.0%	12.9	18.6	-30.7%
Chi phí TC	0.47	1.36	-65.4%	1.94	2.59	-24.9%
Chi phí lãi vay	0.29	1.36	-79.0%	0.29	2.59	-88.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.92	1.76	65.8%	4.09	1.76	133%
Chi phí QLDN	**5.96**	**4.02**	**48.2%**	**9.50**	**12.3**	**-22.9%**
LN thuần từ HĐKD	193	25.9	646%	319	121	164%
Lợi nhuận khác	**-0.33**	**-0.08**	**-316%**	**-0.06**	**-0.12**	**49.2%**
LN trước thuế	193	25.8	647%	319	121	164%
Lợi nhuận sau thuế	**153**	**20.8**	**635%**	**254**	**96.7**	**162%**
LNST của CĐ cty mẹ	**102**	**14.0**	**632%**	**171**	**65.3**	**161%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	103	-74.8	35.2	48.9	120	214
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	17.1	-31.8	-27.5	170	-138	-106
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.06	-0.54	18.7	-81.0	-3.68	-31.8
Tiền đầu kỳ	62.3	185	78.0	104	243	221
Lưu chuyển tiền thuần	**123**	**-107**	**26.4**	**138**	**-21.8**	**76.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	185	78.0	104	243	221	297

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,443**	**2,214**	**10.4%**
Tài sản ngắn hạn	929	876	6.0%
Tiền và tương đương tiền	297	243	22.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	430	365	17.7%
Phải thu ngắn hạn	81.7	135	-39.6%
Hàng tồn kho	94.2	110	-14.6%
Tài sản ngắn hạn khác	26.9	23.0	16.8%
Tài sản dài hạn	**1,514**	**1,338**	**13.2%**
Phải thu dài hạn	570	586	-2.7%
Tài sản cố định	343	353	-3.0%
Bất động sản đầu tư	193	2.00	9563%
Tài sản dở dang	380	368	3.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	17.7	17.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.11**	**1.12**	**88.2%**
Lợi thế thương mại	7.73	8.84	-12.5%
Nợ phải trả	899	893	0.6%
Nợ ngắn hạn	**508**	**254**	**100%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.40	46.0	-79.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.8	10.8	92.8%
Nợ dài hạn	391	639	-38.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	46.4	43.6	6.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,545**	**1,321**	**17.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1,545**	**1,321**	**17.0%**
Vốn điều lệ	667	575	16.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)